TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2021/HS-ST
Ngày 30-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;
2- Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên Toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 05 tháng 6 năm 1979 tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1940 và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; có vợ: Nguyễn Thị Mến, sinh năm 1982. Có 03 con lớn nhất sinh năm 2002 nhỏ nhất sinh năm 2012 hiện vợ và các con sinh sống tại thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị khởi tố về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ngày 26-4-2021; bị bắt tạm giữ, tạm giam: không, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 57/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Tòa án huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái; bị cáo tại ngoại tại xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; "có mặt".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Vinh L, sinh năm: 1988; trú tại thôn Trung Tâm, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

2. Anh Lèng Văn Nh, sinh năm: 1975; trú tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. ; "Có mặt".

3. Anh Đặng Văn Th, sinh năm: 1994; trú tại thôn 3, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

4. Anh Hoàng Văn S, sinh năm: 1988; trú tại thôn Tông Áng, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

5. Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1986, trú tại thôn Át Thượng, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

6. Anh Phạm Cao L, sinh năm: 1969, trú tại khu 5, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; "Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt".

7. Anh Tăng Xuân H, sinh năm: 1991; trú tại tổ 13, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

8. Anh Lục Văn V, sinh năm: 1997; trú tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. ; "Có mặt".

9. Anh Triệu Ngọc Tr, sinh năm: 1993; trú tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. ; "Có mặt".

10. Anh Hoàng Văn Ch, sinh năm: 1996; trú tại thôn Đồng Thanh, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

11. Anh Nguyễn Đức Tr, sinh năm: 1986; trú tại thôn Trung Tâm, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

12. Anh Nông Văn B, sinh năm: 1968; trú tại thôn Đồng Thanh, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

13. Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1986; trú tại thôn 1, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 02 tháng 02 năm 2021, Tổ công tác Công an huyện Lục Yên đang làm nhiệm vụ tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân cung cấp thông tin tại nhà của Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, trú tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. có biểu hiện cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã tiến hành kiểm tra tại nhà Nguyễn Văn T, phát hiện T đang thực hiện giao dịch 01 (một) hợp đồng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với Hoàng Văn C, sinh năm: 1986, trú tại thôn Át Thượng, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái thông qua Tăng Xuân H, sinh năm 1991; trú tại

tổ 13, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái và Hoàng Liên Hoàn, sinh năm 1993; trú tại xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái khi được mời về Cơ quan điều tra làm việc Nguyễn Văn T, Tăng Xuân H, Hoàng Liên Hoàn khai nhận: Ngày 31/01/2021 Nguyễn Văn T đã cho Hoàng Văn C vay 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) với lãi suất 15%/01 tháng (5.000 đồng/ 01 triệu đồng đồng/ 01 ngày) trong thời gian là 10 ngày với tổng số tiền lãi 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Khi vay tiền Cử để lại cho T giữ 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng có gắn mặt đá màu đỏ để thế chấp, số tiền lãi 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) T đã thu và trừ vào số tiền vay, do đó Cử chỉ nhận được 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng). Đến ngày 02/02/2021 Cử nhờ Tăng Xuân H và Hoàng Liên Hoàn đến nhà T trả 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền gốc cho Nguyễn Văn T và lấy lại nhẫn thì bị Công an huyện Lục Yên phát hiện kiểm tra và lập biên bản thu giữ những đồ vật, tài sản có liên quan gồm:

Thu giữ của Nguyễn Văn T: Tại túi quần trước bên phải đang mặc trên người của T tiền có chữ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng), T khai nhận trong đó có 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là tiền của Hoàn vừa đưa để chuộc chiếc nhẫn cầm cố, còn 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền của T. Thu giữ tại túi quần phía sau của T đang mặc trên người tiền có chữ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 2.069.000 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Phát hiện tại túi quần bên trái phía trước T đang mặc trên người 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ máy màu xanh, màn hình cảm ứng vỏ máy màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng.

Thu giữ của Tăng Xuân H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng vỏ máy màu đen, máy cũ đã qua sử dụng.

Thu giữ của Hoàng Liên Hoàn: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng vỏ máy màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) nhẫn kim loại (dạng nhẫn đeo tay) trên thân nhẫn có nhiều họa tiết hoa văn và có chữ "ALEXIS" khắc nổi trên nhẫn, trên mặt nhẫn có gắn một khối đá màu đỏ.

Trên cơ sở lời khai nhận của T cùng ngày 02 tháng 02 năm 2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. . Quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T phát hiện thu giữ:

- 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda loại xe Airblade màu sơn đen, đỏ BKS: 21C1 - 269.50 xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy BKS: 21C1 - 269.50 số 020693 mang tên Lý Văn L có địa chỉ tại thôn Ngòi Thắm, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái do Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái cấp ngày 06/9/2019.

- 01 (một) giấy bán xe mô tô BKS: 21C1 - 269.50 của Hoàng Văn S trú tại: Xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái ngày 31/01/2021.

- 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu sơn bạc, đen BKS: 19L1 - 016.45 xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy BKS: 19L1 - 016.45 số 000901 mang tên Hạ Hồng H địa chỉ Khu 12 xã Đào Xá, huyện T, tỉnh Phú Thọ do Công an huyện Thanh Thủy cấp ngày 19/7/2011.

- 01 (một) giấy bán xe mô tô BKS: 19L1 - 016.45 của Nguyễn Trung Kiên trú tại: Xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái ngày 14/01/2021.

- 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda loại xe Winner màu sơn xanh, trắng, đen BKS: 21C1 - 252.35 xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy BKS: 21C1 - 252.35 số 018345 mang tên Lương Văn Đ có địa chỉ tại thôn Nà Mác, xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái do Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/02/2019.

- 01 (một) giấy bán xe môtô BKS: 21C1 - 252.35 của Lương Văn Đủ trú tại: Xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 25/12/2020.

- 10 giấy vay tiền thể hiện nhiều thời điểm cho vay, số tiền cho vay và người vay khác nhau.

- 01 (một) tờ giấy có ghi nhiều chữ và số tự nhiên khác nhau.

- Tiền có chữ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm nhiều mệnh giá khác nhau với tổng số tiền 57.600.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) được niêm phong theo quy định.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

+ Vật chứng được đưa vào hồ sơ vụ án:

- 01 (một) giấy bán xe mô tô BKS: 21C1 - 269.50 của Hoàng Văn S trú tại: Xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái ngày 31/01/2021.

- 01 (một) giấy bán xe mô tô BKS: 19L1 - 016.45 của Nguyễn Trung Kiên trú tại: Xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái ngày 14/01/2021.

- 01 (một) giấy bán xe môtô BKS: 21C1 - 252.35 của Lương Văn Đủ trú tại: Xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 25/12/2020.

- 01 (một) giấy vay tiền do Nguyễn Đức Tr và vợ là Tăng Thị Lưới trú tại: Thôn Trung Tâm, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái viết ngày 25/06/2019.

- 01 (một) giấy vay tiền của Nông Văn B ngày 22/7/2020.

- 01 (một) giấy vay tiền của Lèng Văn Nh và vợ là Trần Thị Huyền cùng trú tại: Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. ngày 28/12/2019.

- 01 (một) giấy vay tiền của Lê Thị Th trú tại: Xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái ngày 25/6/2020.

- 01 (một) giấy vay tiền của Lục Văn V ngày 26/10/2020.

- 01 (một) giấy vay tiền của Vũ Vinh L ngày 15/10/2019.

- 01 (một) giấy vay tiền của Đặng Văn Th ngày 15/05/2020.

- 01 (một) giấy vay tiền của Triệu Ngọc Tr ngày 14/9/2020.

- 01 (một) giấy vay tiền của Mai Thế Thiện và Nguyễn Thị Giáp ngày 20/10/2019.

- 01 (một) giấy vay tiền của Nông Thành Luân và vợ là Nguyễn Thị Huế ngày 20/8/2020.

- 01 (một) tờ giấy có ghi nhiều chữ và số tự nhiên khác nhau.

+ Vật chứng được bảo quản tại kho vật chứng Công an huyện Lục Yên:

- 04 (một) vỏ phong bì thư đã cắt mở.

- 01 (một) hộp bìa catton đã mở niêm phong.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng vỏ máy màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng.

+ Đồ vật, tài liệu được trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp:

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng (loại nhẫn đeo tay) trên thân nhẫn có nhiều họa tiết hoa văn và có chữ "ALEXIS" khắc nổi trên nhẫn, trên mặt nhẫn có gắn một khối đá màu đỏ. Nhẫn cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi vỏ máy màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo vỏ máy màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda loại xe Airblade màu sơn đen, đỏ BKS: 21C1 - 269.50 xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy BKS: 21C1 - 269.50 số 020693 mang tên Lý Văn L có địa chỉ tại thôn Ngòi Thắm, xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái do Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái cấp ngày 06/9/2019.

- 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu sơn bạc, đen BKS: 19L1 - 016.45 xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy BKS: 19L1 - 016.45 số 000901 mang tên Hạ Hồng Hiếu địa chỉ Khu 12 xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ do Công an huyện Thanh Thủy cấp ngày 19/7/2011.

- 01 (một) xe môtô nhãn hiệu Honda loại xe Winner màu sơn xanh, trắng, đen BKS: 21C1 - 252.35 xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy BKS: 21C1 - 252.35 số 018345 mang tên Lương Văn Đủ có địa chỉ tại thôn Nà Mác, xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái do Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/02/2019.

- Số tiền 2.069.000 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tạm giữ tại túi quần sau và 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tạm giữ tại túi quần trước bên phải Nguyễn Văn T khi kiểm tra.

- Số tiền 57.600.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) thu giữ khi khám xét. Quá trình điều tra xác định những vật chứng nêu trên là tài sản,

phương tiện liên lạc, đi lại, làm ăn chung của gia đình bị can, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật khác do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Yên trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định: Nguyễn Văn T không được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 02 năm 2021 T cho nhiều cá nhân cần vay tiền để chi tiêu cá nhân và buôn bán với lãi suất cao để thu lời bất chính. Khi cho vay tiền T là người quyết định số tiền cho vay và mức lãi suất, nếu người vay đồng ý với mức lãi suất thì T viết giấy vay tiền và yêu cầu người vay ký xác nhận. Tùy từng mối quan hệ và quen biết T cho vay tiền không cần để lại giấy tờ, tài sản để thế chấp hoặc yêu cầu người vay phải có giấy tờ, tài sản thế chấp vay tiền, nếu có thế chấp tài sản thì T yêu cầu người vay viết giấy bán tài sản cho mình và lãi suất đối với từng người cũng khác nhau. Việc thỏa thuận lãi suất giữa T với người vay tiền không được thể hiện trong giấy vay tiền. Trong thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 02/2021 T đã cho 13 (mười ba) người vay tiền với lãi suất từ 3.333 đồng /1 triệu đồng/1 ngày tương đương 120%/ năm đến 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương 180%/năm để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Anh Vũ Vinh L, sinh năm: 1988; trú tại thôn Trung Tâm, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái vay số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) ngày 15/10/2019 với lãi suất ban đầu thỏa thuận là 15%/01 tháng (5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày; Mỗi tháng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi, nhưng thực tế mỗi tháng Lượng chỉ trả cho T lãi suất là 12,5%/ 01 tháng **(**4.166 đồng/ 01 ngày/ 01 triệu đồng đồng; mỗi tháng là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/01/2021 (15 tháng) Lượng đã trả cho T tổng số tiền lãi là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Mức lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là 20%/năm của khoản tiền vay tương ứng với 1,67%/một tháng; 0,055%/ một ngày (đã làm tròn).

Do vậy số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS của khoản vay trên là: 1,67% x 4.000.000 đồng x 15 tháng = 1.002.000 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 7.500.000 đồng – 1.002.000 đồng = 6.498.000 đồng. Đối với số tiền gốc Lượng đã trả cho T.

2. Anh Lèng Văn Nh, sinh năm: 1975; trú tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) ngày 28/12/2019 với lãi suất 15%/01 tháng (5.000 đồng /01 ngày/ 01 triệu đồng; mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Từ 28/12/2019 đến 28/9/2020 (09 tháng) Nhất đã trả cho T tổng số tiền lãi 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Từ ngày 29/9/2020 đến tháng 28/12/2020 (03 tháng) T tính lãi suất 5%/01 tháng (mỗi

tháng 500.000 đồng). Nhất đã trả cho T tổng số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 10.000.000 đồng x 09 tháng = 1.503.000 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 13.500.000 đồng – 1.503.000 đồng = 11.997.000 đồng. Số tiền vay trong quá trình điều tra Nhất đã trả cho T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Anh Đặng Văn Th, sinh năm: 1994; trú tại thôn 3, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái vay 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) ngày 15/5/2020 với lãi suất 15%/01 tháng (5.000 đồng/01 ngày/ 01 triệu đồng; mỗi tháng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lãi. Từ ngày 15/5/2020 đến ngày 15/01/2021 (8 tháng) nhưng T chỉ tính tiền lãi đối với Thuận 05 (năm) tháng. Thuận đã trả cho T tổng số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 2.000.000 đồng x 05 tháng = 167.000 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 1.500.000 đồng – 167.000 đồng = 1.333.000 đồng. Số tiền vay Thuận đã trả cho T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Anh Hoàng Văn S, sinh năm: 1988; trú tại thôn Tông Áng, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) ngày 31/01/2021. Anh Sơn vay trong thời gian 10 ngày với lãi suất 5.000 đồng/01 ngày/01 triệu đồng đồng (tương ứng với lãi xuất 15%/01 tháng). T đã thu tiền lãi của anh Sơn là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 0,055% x 15.000.000 đồng x 10 ngày = 83.500 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 750.000 đồng – 83.500 đồng = 666.500 đồng. Số tiền vay Sơn chưa trả cho T.

5. Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1986, trú tại thôn Át Thượng, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái vay 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) ngày 31/01/2021 với lãi suất 5.000 đồng/01 ngày/01 triệu đồng (tương ứng lãi suất 15%/01 tháng) trong thời gian là 10 ngày. Cử đã trả cho T 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 0,055% x 2.000.000 đồng x 10 ngày = 11.133 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 100.000 đồng – 11.133 đồng = 88.867 đồng. Số tiền vay ngày 02/02/2021 trong quá trình trả cho T thì bị Công an huyện Lục Yên phát hiện kiểm tra và thu giữ.

6. Anh Phạm Cao L, sinh năm: 1969, trú tại khu 5, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) ngày 29/03/2019 với lãi suất 15%/ 01 tháng (5.000 đồng/01 ngày/01 triệu đồng mỗi

tháng 1.500.000 đồng) tiền lãi. Từ ngày 29/03/2019 đến ngày 29/06/2019 (03 tháng) Lĩnh đã trả cho T tổng số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 10.000.000 đồng x 03 tháng = 501.000 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 4.500.000 đồng – 501.000 đồng = 3.999.000 đồng. Số tiền vay Lĩnh đã trả cho T.

7. Anh Tăng Xuân H, sinh năm: 1991; trú tại tổ 13, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) ngày 20/01/2021 với lãi suất 5.000 đồng/01 ngày/01 triệu đồng (tương ứng với lãi xuất 15%/01 tháng). Ngày 30/01/2021 (11 ngày) anh Hòa đến trả số tiền đã vay 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và tiền lãi 275.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 0,055% x 5.000.000 đồng x 11 ngày = 30.617 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 275.000 đồng – 30.617 đồng = 244.383 đồng đồng.

8. Anh Lục Văn V, sinh năm: 1997; trú tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) ngày 26/10/2020 với lãi suất 12%/01 tháng (4.000 đồng/01 ngày/ 01 triệu đồng; mỗi tháng là 600.000 đồng). Từ ngày 26/10/2020 đến ngày 26/12/2020 (02 tháng) Viên đã trả cho T tổng số tiền lãi 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 5.000.000 đồng x 02 tháng = 167.000 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 1.200.000 đồng – 167.000 đồng = 1.033.000 đồng. Số tiền vay trong quá trình điều tra Viên đã trả cho T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

9. Anh Triệu Ngọc Tr, sinh năm: 1993; trú tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. vay 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) ngày 14/9/2020 với lãi suất 12,5%/01 tháng (4.166 đồng/ 01 ngày/ 01 triệu đồng; mỗi tháng là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Trái đã trả cho T tiền lãi từ ngày 14/9/2020 đến ngày 14/11/2020 (02 tháng) với tổng số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 4.000.000 đồng x 02 tháng = 133.600 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 1.000.000 đồng – 133.600 đồng = 866.400 đồng. Số tiền vay trong quá trình điều tra Trái đã trả cho T 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

10. Anh Hoàng Văn Ch, sinh năm: 1996; trú tại thôn Đồng Thanh, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái vay 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) ngày 20/6/2020 với lãi

suất 11,4%/01 tháng (3.809 đồng/ 01 ngày/ 01 triệu đồng; mỗi tháng là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi. Từ ngày 20/6/2020 đến ngày 20/12/2020 (06 tháng) Chấn đã trả cho T tổng số tiền là 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 3.500.000 đồng x 06 tháng = 351.000 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 2.400.000 đồng – 351.000 đồng = 2.049.000 đồng. Số tiền vay trong quá trình điều tra Chấn đã trả cho T 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

11. Anh Nguyễn Đức Tr, sinh năm: 1986; trú tại thôn Trung Tâm, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) ngày 25/6/2019 với lãi suất 10%/01 tháng (3.333 đồng/01 ngày/01 triệu đồng; mỗi tháng là 2.000.000 đồng) tiền lãi. Từ ngày 25/6/2019 đến ngày 25/12/2019 (06 tháng) Trung đã trả cho T tổng số tiền lãi 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Từ ngày 26/12/2019 đến ngày 26/12/2020 (12 tháng) T tính lãi suất 5%/01 tháng (1.666 đồng/01 ngày/ 01 triệu đồng đồng; mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Trung đã trả cho T tổng số tiền lãi 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 20.000.000 đồng x 06 tháng = 2.004.000 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 12.000.000 đồng – 2.004.000 đồng = 9.996.00 đồng. Số tiền vay trong quá trình điều tra Trung đã trả cho T 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) còn nợ T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

12. Anh Nông Văn B, sinh năm: 1968; trú tại thôn Đồng Thanh, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái vay 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) ngày 22/7/2020 với lãi suất 10%/01 tháng (3.333 đồng/ 01 ngày/ 01 triệu đồng; mỗi tháng là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền lãi. Từ ngày 22/7/2020 đến ngày 22/01/2021 (06 tháng) Bắc đã trả cho T tổng số tiền là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 2.000.000 đồng x 06 tháng = 200.400 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 1.200.000 đồng – 200.400 đồng = 999.600 đồng. Số tiền vay Bắc đã trả cho T.

13. Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1986; trú tại thôn 1, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái vay 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) ngày 25/6/2020 với lãi suất 10%/01 tháng (3.333 đồng/01 ngày/01 triệu đồng; mỗi tháng là 200.000 đồng) tiền lãi. Từ tháng 25/6/2020 đến tháng 25/9/2020 (03 tháng) Thảo đã trả cho T tổng số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: 1,67% x 2.000.000 đồng x 03 tháng = 100.200 đồng. Số tiền T thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): 600.000 đồng –

100.200 đồng = 499.800 đồng. Số tiền vay Thảo đã trả cho T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền mà Nguyễn Văn T đã cho 13 (mười ba) người nêu trên vay là **84.500.000** đồng (tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi T đã thu được là **46.525.000** đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là **6.254.450** đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Văn T thu lời bất chính là **40.270.550** đồng.

Số tiền gốc người vay đã trả cho T là: **64.500.000** đồng. Còn lại số tiền **20.00.000** đồng T chưa thu được tiền gốc của những người vay.

Tại Kết luận giám định số 273/KLGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận: toàn bộ số tiền **109.394.000 đồng** (một trăm linh chín triệu ba trăm chín mươi tư nghìn đồng) thu giữ khi bắt kiểm tra và thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Văn T ngày 02 tháng 02 tháng 2021 gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Cáo trạng số:16/CT-VKS - LY ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sau lời luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên có đề nghị Hội đồng xét xử.

Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt đề nghị xử phạt Nguyễn Văn T mức án từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng.

Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Về vật chứng của vụ án và tài sản, đồ vật có liên quan:

- Cần tịch thu tiêu hủy 01 hộp bìa cát tông; 04 vỏ phong bì thư đã mở niêm phong.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại OPPO, màn hình cảm ứng.

- Tịch thu nộp nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) được niêm phong vào một phong bì thư. Là phương tiện phạm tội số tiền T cho anh Cử vay.

- Số tiền 46.525.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong vào một phong bì thư, cần được xử lý như sau: Trả cho anh Vũ Vinh L số tiền 6.498.000đ (Sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng); trả anh Lèng Văn Nh số tiền 11.997.000đ (Mười một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng); trả anh Đặng Văn Th số tiền 1.333.000đ (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả anh Hoàng Văn S số tiền 666.500đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng); trả anh Phạm Cao L số tiền 3.999.000đ (Ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng); trả anh Hoàng Văn C số tiền 88.900đ (Tám mươi tám nghìn chín trăm đồng); trả anh Tăng Xuân H số tiền 244.400đ (Hai trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng); trả anh Lục Văn V số tiền 1.033.000đ (Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả anh Triệu Văn Trái số tiền 866.400đ (Tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng); trả anh Hoàng Văn Ch số tiền 2.049.000đ (Hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng); trả anh Nguyễn Đức Tr số tiền 9.996.00đ (Chín triệu chín trăm chín mươi sáu đồng); trả anh Nông Văn B số tiền 999.600đ (Chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng); trả chị Lê Thị Th số tiền 499.800đ (Bốn trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng) tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng. Nộp ngân sách nhà nước tiền lãi 20%/năm của 13 khoản tiền vay là 6.254.450đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) do hành vi phạm tội mà có.

Bị cáo T nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 64.500.000đ (Sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội (Trong đó số tiền 2.000.000 đồng cho anh Cử vay đã xử lý nêu trên) số tiền còn lại T còn phải nộp ngân sách nhà nước là 62.500.000đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ nộp ngân sách số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); anh Nguyễn Đức Tr có nghĩa vụ nộp ngân sách số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); khoản tiền gốc anh Sơn, anh Trung chưa trả, là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T.

Bị cáo Nguyễn Văn T chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nhất, Viên, Trái, Trung yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết số tiền vay, tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố. Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát

nhân dân huyện Lục Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng: Do hám lời trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 02/2021 Nguyễn Văn T đã cho 13 (mười ba) người vay tiền với lãi suất 3.333 đồng/1 triệu đồng/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu đồng/ 1 ngày tương đương 10% đến 15%/tháng (tương ứng 120/% đến 180%/1 năm). Lãi suất mà T cho vay đã vượt quá từ 5 đến 8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/1 năm. Tổng số tiền T dùng để cho vay lãi nặng là 84.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 46.525.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tối đa theo khoản 1 điều 468 BLDS là 6.254.450 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 46.525.000 – 6.254.450 = 40.270.550 đồng. Số tiền gốc người vay tiền đã trả T 64.500.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chứng từ giao dịch chuyển tiền thông qua Ngân hàng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng cố ý thực hiện, hành vi đó đã xâm phạm đến các tội trật tự quản lý kinh tế. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm."

Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Nguyễn Văn T biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lời, đã cố ý xâm phạm, hành vi tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà hành vi của bị cáo còn mang tích chất

bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; bị cáo bị tai nạn lao động có tỉ lệ thương tật 31%; có bố đẻ là Nguyễn Văn Chén được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chống Mỹ cứu nước là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Từ nhận định nêu trên cần xét xử bị cáo T tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Vật chứng, tài sản tạm giữ, biện pháp tư pháp: Đối với tài sản tạm giữ mà cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

- Cần tịch thu tiêu hủy 01 vỏ hộp bìa cát tông; 04 vỏ phong bì thư đã mở niêm phong.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại OPPO, màn hình cảm ứng T dùng liên lạc đối với những người vay tiền.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) được niêm phong vào một phong bì thư. Là phương tiện phạm tội số tiền T cho anh Cử vay.

- Số tiền 46.525.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong vào một phong bì thư, cần được xử lý như sau: Trả cho 13 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do đây là tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng của T. Số tiền còn lại nộp ngân sách nhà nước tiền lãi 20% của 13 khoản tiên vay là 6.254.450đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) do hành vi phạm tội mà có.

Bị cáo T nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 64.500.000đ (Sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội.

- Buộc anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ nộp ngân sách số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); anh Nguyễn Đức Tr có nghĩa vụ nộp ngân sách số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); khoản tiền gốc anh Sơn, anh Trung chưa trả, là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T.

[8] Đối với nội dung khác liên quan đến vụ án:

[8.1] Ngày 25 tháng 12 tháng 2020 Nguyễn Văn T cho Lương Văn Đủ, SN: 1994; trú tại thôn Nà Mác, xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái vay với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và có để lại chiếc xe môtô BKS: 21C - 252.35 để làm tin. Nguyễn Văn T khai nhận cho Đủ vay tiền không tính lãi suất. Quá trình điều tra bố đẻ Lương Văn Đủ là ông Lương Văn Hoa, sinh năm: 1963; trú tại: Thôn Nà Mác, xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã hoàn trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, Nguyễn Văn T cùng vợ là chị Nguyễn Thị M cho vợ chồng anh Mai Thế Th, SN: 1984 và chị Nguyễn Thị Gi, sinh năm: 1984 cùng trú tại thôn Đồng Bắc, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (là em gái ruột của chị Mến) vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ngày 20/10/2019 và cho chị Nguyễn Thị Huế, sinh năm: 1990; trú tại Thôn 02, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. (là cháu của Nguyễn Văn T) vay số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) ngày 20/8/2020. Đối với số tiền cho vay này Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị M không tính lãi suất đối với vợ chồng anh Thiện và chị H. Trong quá trình điều tra, xác minh vợ chồng anh Thiện và chị Huế đã hoàn trả tiền cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị M, đây là hợp đồng vay tài sản hai bên đã thự hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[8.2] Kiến nghị: Nguyễn Văn T hoạt động cho vay cầm đồ từ năm 2019 đến khi bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, T không có giấy phép kinh doanh. Việc cho cho vay cầm đồ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ hành vi này, căn cứ Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 Nghị định Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực giao đình. Công an huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái cần xem xét xử lý hành vi của T theo thẩm quyền.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Những chứng cứ buộc tội của Kiểm sát viên và lời trình bày của bị cáo phù hợp với tranh tụng tại phiên tòa và hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Nguyễn Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục Nguyễn Văn T.

Khấu trừ 05% thu nhập hằng tháng của bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp bìa cát tông đã mở niêm phong; 04 vỏ phong bì thư đã mở niêm phong.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại OPPO, màn hình cảm ứng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) được niêm phong trong một phong bì thư. Là phương tiện phạm tội số tiền T cho anh Hoàng Văn C vay.

- Số tiền 46.525.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong vào một phong bì thư, xử lý như sau: Trả cho anh Vũ Vinh Lượng số tiền 6.498.000đ (Sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng); trả anh Lèng Văn Nh số tiền 11.997.000đ (Mười một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng); trả anh Đặng Văn Th số tiền 1.333.000đ (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả anh Hoàng Văn S số tiền 666.500đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng); trả anh Phạm Cao L số tiền 3.999.000đ (Ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng); trả anh Hoàng Văn C số tiền 88.900đ (Tám mươi tám nghìn

chín trăm đồng); trả anh Tăng Xuân H số tiền 244.400đ (Hai trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng); trả anh Lục Văn V số tiền 1.033.000đ (Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả anh Triệu Văn Trái số tiền 866.400đ (Tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng); trả anh Hoàng Văn Ch số tiền 2.049.000đ (Hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng); trả anh Nguyễn Đức Tr số tiền 9.996.00đ (Chín triệu chín trăm chín mươi sáu đồng); trả anh Nông Văn B số tiền 999.600đ (Chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng); trả chị Lê Thị Th số tiền 499.800đ (Bốn trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng) tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng. Nộp ngân sách nhà nước tiền lãi 20%/năm của 13 khoản tiên vay là 6.254.450đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) do hành vi phạm tội mà có.

(Chi tiết đặc điểm các vật chứng được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái).

- Bị cáo T nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 64.500.000đ (Sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội (Trong đó số tiền 2.000.000 đồng cho anh Cử vay đã xử lý nêu trên) số tiền còn lại T còn phải nộp ngân sách nhà nước là 62.500.000đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ nộp ngân sách số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); anh Nguyễn Đức Tr có nghĩa vụ nộp ngân sách số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); khoản tiền gốc anh Sơn, anh Trung chưa trả T, số tiền là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000, đ *(Hai trăm nghìn đồng)*, tiền án phí hình sự sơ thẩm**.**

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nhất, Viên, Trái, Trung có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;

- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Công an huyện 02 bản;
- Thi hành án DS huyện;
- Bị cáo; Người có QLNNLQ;
- Lưu HS, T.A, THS,THAHS.

Nguyễn Đỗ Quỳnh